Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (HNX: DTK)

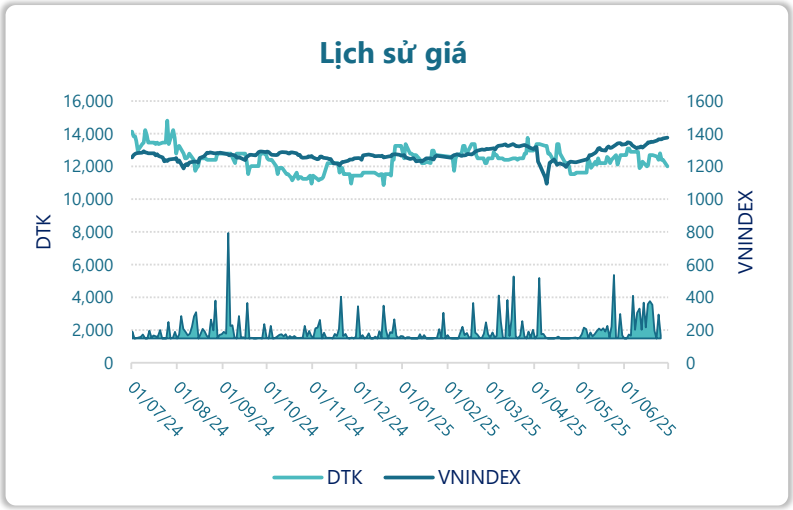

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,803
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,862
SL cổ phiếu LH	682,767,475
KLGD BQ 20 phiên (CP)	905
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,193
P/E	10.6
EPS	1,132

DT thuần

Q2/25

3,832

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 113| 3.0%

YoY: ▲ 108| 2.9%

LN sau thuế

Q2/25

323

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 71.0| 28.2%

YoY: ▲ 57.0| 21.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

10.4%

+/- YoY: ▲ 1.0%

DT thuần

6T 2025

7,551

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 635| 9.2%

LN sau thuế

6T 2025

575

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 84.0| 17.0%

ROE

Q2/25

9.1%

+/- YoY: ▲ 2.4%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

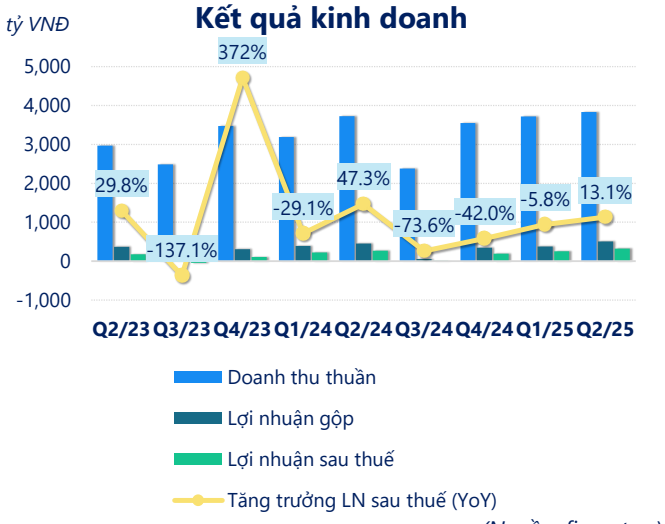

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

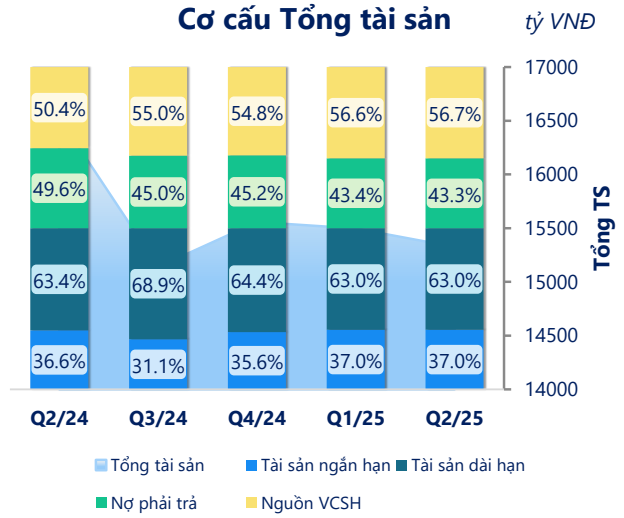

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

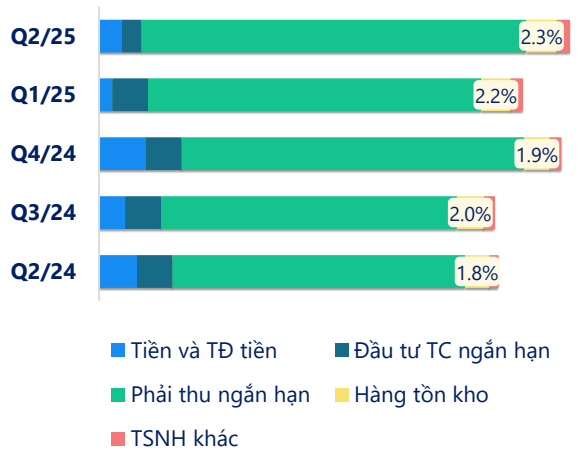

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

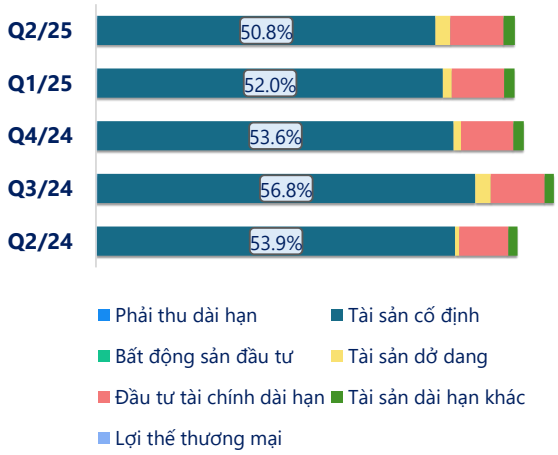

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

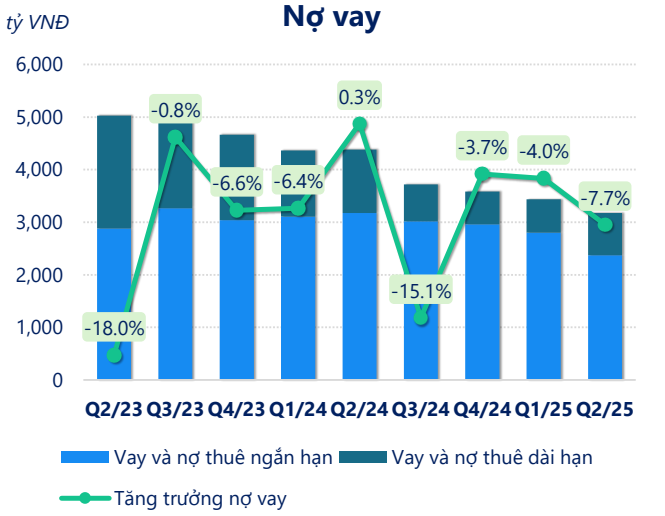

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

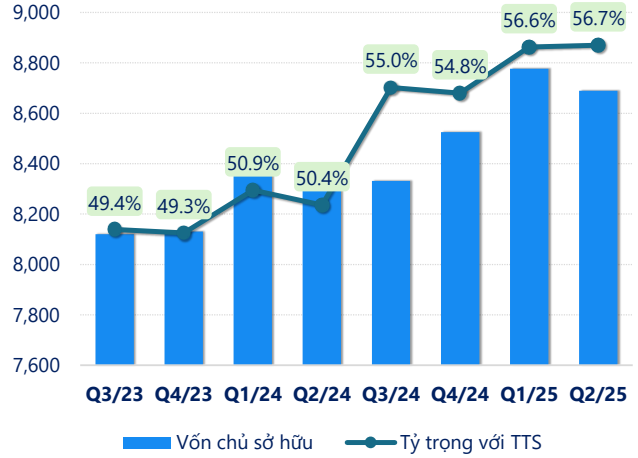

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

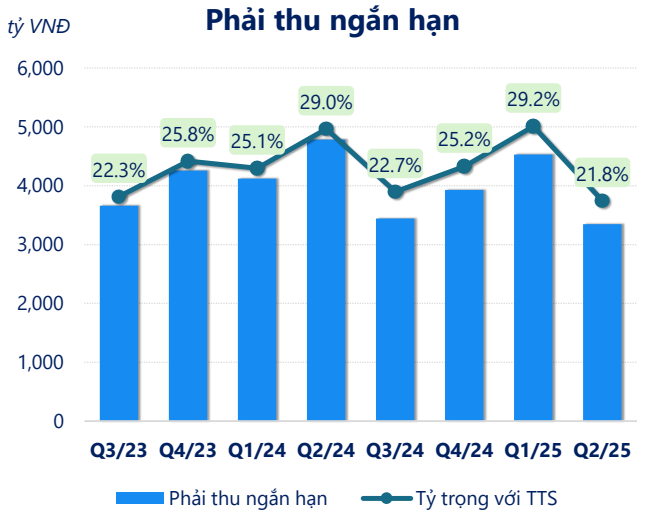

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

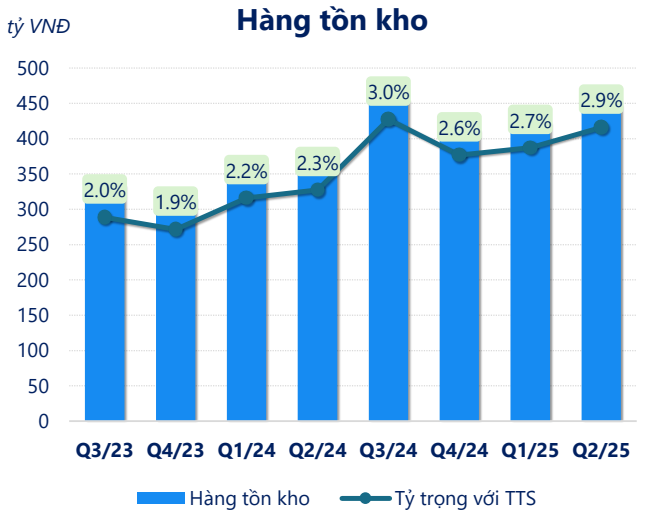

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

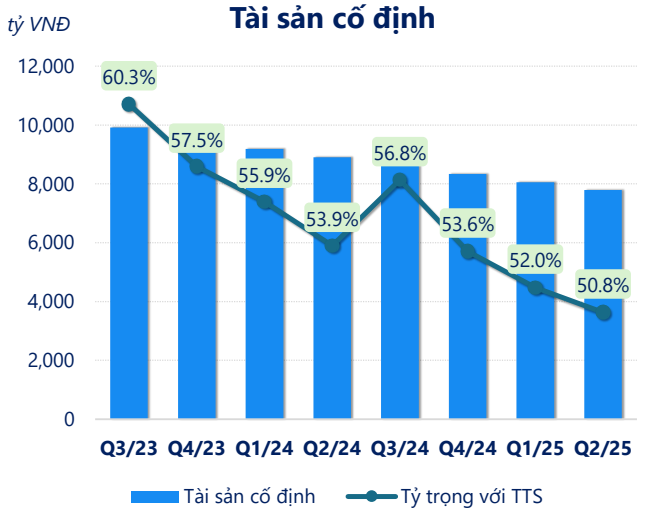

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

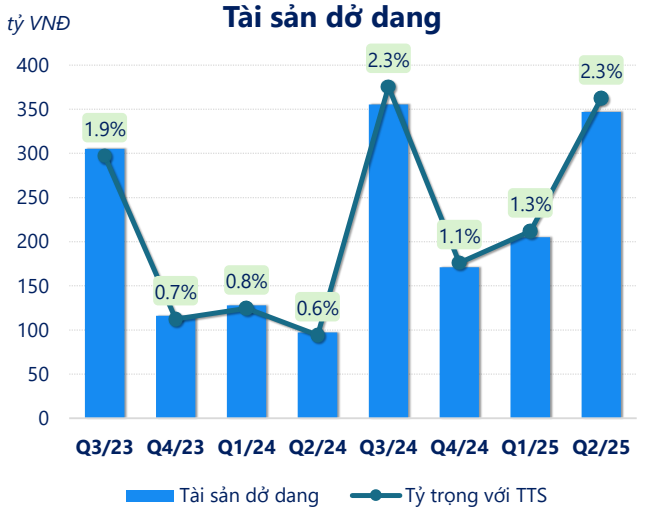

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

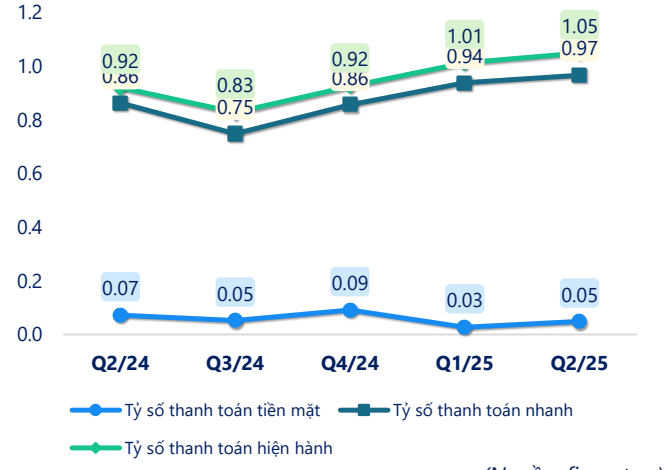

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

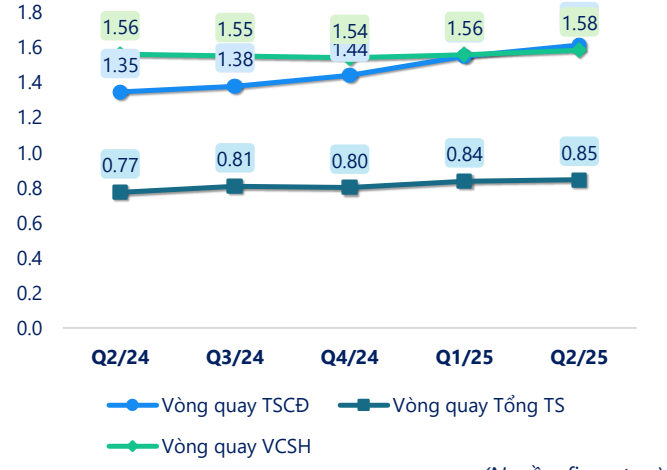

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**16,528**	**15,140**	**15,558**	**15,498**	**15,325**
Tài sản ngắn hạn	**6,048**	**4,710**	**5,543**	**5,738**	**5,664**
Tiền và tương đương tiền	473	297	547	153	262
Đầu tư tài chính ngắn hạn	244	350	400	400	1,406
Phải thu ngắn hạn	4,785	3,442	3,928	4,528	3,348
Hàng tồn kho	379	453	410	420	446
Tài sản ngắn hạn khác	166	169	258	236	202
Tài sản dài hạn	**10,480**	**10,430**	**10,015**	**9,760**	**9,661**
Phải thu dài hạn	28.7	32.1	32.2	33.2	33.3
Tài sản cố định	8,903	8,606	8,340	8,054	7,792
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	97.3	355	171	205	347
Đầu tư tài chính dài hạn	1,225	1,225	1,225	1,225	1,225
Tài sản dài hạn khác	226	212	247	243	264
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**8,205**	**6,810**	**7,033**	**6,722**	**6,636**
Nợ ngắn hạn	**6,574**	**5,691**	**5,996**	**5,667**	**5,401**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,176	3,017	2,960	2,800	2,374
Phải trả người bán ngắn hạn	2,357	1,875	2,745	2,525	2,413
Nợ dài hạn	1,631	1,119	1,036	1,055	1,235
Vay và nợ thuê dài hạn	1,202	702	622	638	800
Nguồn vốn chủ sở hữu	**8,323**	**8,331**	**8,525**	**8,776**	**8,689**
Vốn chủ sở hữu	**8,323**	**8,331**	**8,525**	**8,776**	**8,689**
Vốn điều lệ	6,828	6,828	6,828	6,828	6,828
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)